

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3912/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án thực hiện mô hình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Văn bản số 7168/VPCP-KGVX ngày 11/9/2015 của Văn phòng Chính phủ về thống nhất thông qua Đề án bảo tồn và phát triển cây sâm Ngọc Linh (sâm Việt Nam) đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-SHTT ngày 30/7/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc thay đổi giấy Chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý đối với sâm củ Ngọc Linh;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về cơ chế khuyến khích, bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 330/TTr-SNN&PTNT ngày 17/12/2020 (Kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3205/STC-HCSN ngày 26/11/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án thực hiện mô hình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam với các nội dung chính như sau:

1. Tên Phương án, cơ quan chủ quản, cơ quan thực hiện:

- Tên Phương án: Phương án thực hiện mô hình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam, Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nam Trà My và Công ty TNHH Sâm Sâm tổ chức thực hiện.

2. Địa điểm triển khai mô hình: Trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu:

Theo dõi, đánh giá tình hình sinh trưởng phát triển, khả năng thích ứng của cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô tại một số khu vực trồng sâm Ngọc Linh khác nhau trên địa bàn huyện Nam Trà My để làm cơ sở cho việc sử dụng và phát triển giống sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô trên địa bàn tỉnh.

4. Quy mô và nội dung:

4.1. Quy mô: Bố trí 03 mô hình, mỗi mô hình có diện tích 0,055 ha. Số lượng cây sâm Ngọc Linh/mô hình: 1.100 cây, bao gồm: 1.000 cây sâm nuôi cấy mô và 100 cây sâm nhân giống bằng hạt (làm đối chứng).

4.2. Nội dung:

a. Khảo sát, chọn các địa điểm triển khai mô hình đảm bảo được các điều kiện sinh thái, đáp ứng được yêu cầu của cây sâm Ngọc Linh như: Độ tàn che >0,7, đất đủ ẩm, giàu dinh dưỡng, lượng mùn hữu cơ trong đất cao...

b. Xây dựng các mô hình:

- Cây giống: Sử dụng cây giống sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô của Công ty TNHH Sâm Sâm và cây giống sâm Ngọc Linh 01 năm tuổi từ Trạm Dược liệu Trà Linh, đảm bảo theo tiêu chuẩn cây giống xuất vườn.

- Trồng theo quy trình hướng dẫn kỹ thuật trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng theo Quyết định 255/QĐ- SNN&PTNT ngày 29/6/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Trồng xong sử dụng que tre cao 0,5 m, cắm theo từng cây, phủ lá cỏ tranh, lá khô để giữ ẩm.

c. Theo dõi, đánh giá các mô hình theo các chỉ tiêu như sau:

- Màu sắc lá
- Đường kính tán lá
- Số lá/cây
- Số thân trên mỗi gốc
- Chiều cao cây
- Khả năng ra hoa, đậu quả
- Chiều dài củ
- Đường kính củ
- Tỷ lệ cây bị bệnh (%)
- Năng suất sinh học

- Tỷ lệ cây sống khi kết thúc mô hình (%).

d. Triển khai các biện pháp bảo vệ tốt các mô hình, không để bị mất trộm và bị các loài động vật gây hại, phá hoại.

5. Dự toán kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện mô hình dự kiến khoảng 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*). Trong đó:

- Xây dựng mô hình (cây giống, vật tư...): 1.044.336.800 đồng.
- Chăm sóc mô hình: 65.749.200 đồng.
- Bảo vệ mô hình: 460.500.000 đồng.
- Quản lý, kiểm tra, đánh giá mô hình: 1.302.500.000 đồng.
- Hội thảo, tổng kết mô hình: 18.050.000 đồng.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng Sâm: 85.500.000 đồng.
- Chi khác (mua dụng cụ theo dõi...): 23.364.000 đồng.

(Đính kèm biểu dự toán kinh phí chi tiết)

7. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

8. Thời gian và tiến độ thực hiện:

8.1. Thời gian: Từ năm 2021 đến năm 2025

8.2. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2021: Xây dựng mô hình, chăm sóc, bảo vệ, theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển cây sâm Ngọc Linh tại các mô hình.

- Năm 2022: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ, theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển cây sâm Ngọc Linh tại các mô hình.

- Năm 2023: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ, theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển cây sâm Ngọc Linh tại các mô hình; hội thảo mô hình.

- Năm 2024: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ, theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển cây sâm Ngọc Linh tại các mô hình.

- Năm 2025: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ, theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển cây sâm Ngọc Linh tại các mô hình; tổng kết mô hình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam, Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nam Trà My và Công ty TNHH Sâm Sâm triển khai thực hiện mô hình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam theo phương án được duyệt, đảm bảo đúng quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện mô hình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô theo đúng quy định và nội dung phương án được duyệt; tổ chức tổng kết, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính: Kiểm tra, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện; hướng dẫn và giải quyết các thủ tục thanh, quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nam Trà My và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục TT và BVTV;
- Trung tâm Phát triển SNL và Dược liệu Quảng Nam;
- Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nam Trà My;
- Công ty TNHH Sâm Sâm;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

+	Lưới B40 mạ kẽm (mắt lưới 50x50, dày 3 ly, khổ 1,5m; 01m ~ 3,2kg)		đồng/kg	1.440	đồng/kg	244,8	15.000	3.672.000
+	Trụ sắt V4 mạ kẽm 40x40x4mm, dài 1,5 m (01 trụ ~ 4,7kg)		đồng/kg	846	đồng/kg	143,8	15.000	2.157.300
+	Dây thép buột		đồng/kg	10	đồng/kg	1,7	10.000	17.000
c	Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hàng rào							9.800.000
-	Phụ cấp công tác phí							1.000.000
+	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My (02 cán bộ/đợt x 5 ngày x 01 đợt)				ngày	10	100.000	1.000.000
-	Khoán phòng nghỉ (2 người x 4 đêm)				đêm	8	100.000	800.000
-	Thuê xe ô tô đi từ Tam Kỳ đi Nam Trà My và ngược lại							8.000.000
+	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My và ngược lại (1 đợt X 4 ngày/đợt)	1	đợt	4	ngày/đợt	4	2.000.000	8.000.000
2	Bố trí, xây dựng các mô hình							1.013.430.000
a	Nguyên vật liệu							996.600.000
-	Cây giống (từ nguồn cây giống Trạm Dược liệu Trà Linh và đơn vị nuôi cây mô)		cây	20.000	cây	3.300	300.000	990.000.000
-	Que cắm					3.300	2.000	6.600.000
b	Công lao động thuê khoán							16.830.000
-	Phát dọn thực bì (25%)			51,0	công	8,7	220.000	1.907.400
-	Đào hố trồng			134,0	công	22,8	220.000	5.011.600
-	Vận chuyển cây con, trồng, cắm que			192,0	công	32,6	220.000	7.180.800
-	Lấp hố trồng			53,0	công	9,0	220.000	1.982.200
-	Thu gom lá cây khô từ gốc sau trồng			20,0	công	3,4	220.000	748.000
III	Chăm sóc vườn sâm hằng năm	1,0	ha		ha	0,17		10.756.240
-	Phát dọn dây leo, bụi rậm		công	4,6	công	0,8	220.000	172.040
-	Làm cỏ		công	43,0	công	7,3	220.000	1.608.200
-	Vận chuyển và bón mùn		công	220,0	công	37,4	220.000	8.228.000

-	Thu gom lá cây khô tủ gốc sau bón mùn		công	20,0	công	3,4	220.000	748.000	
IV	Công bảo vệ (3 người; 01 mô hình/người)				tháng	18	3.070.000	55.260.000	Bảo vệ sau trồng (tháng 7 - 12); theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ
V	Quản lý, kiểm tra, đánh giá, chỉ đạo triển khai các mô hình							156.300.000	
-	Phụ cấp công tác phí							6.000.000	
+	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My (02 người/đợt x 5 ngày x 06 đợt)				ngày	60	100.000	6.000.000	
-	Khoán phòng nghỉ (2 người/đợt x 4 đêm x 6 đợt)				đêm	48	100.000	4.800.000	1 tháng/đợt
-	Thuê xe ô tô đi từ Tam Kỳ đi Nam Trà My							60.000.000	
	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My và ngược lại (06 đợt x 5 ngày/đợt)	6	đợt	5	ngày/đợt	30	2.000.000	60.000.000	
-	Thuê khoán kỹ thuật theo dõi, đánh giá các mô hình (3 người; 01 mô hình/người); không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Bao gồm các chi phí: Tiền công kỹ thuật, khoán đi lại, lưu trú, tiền ngủ				ngày	90	950.000	85.500.000	Theo dõi 03 mô hình từ tháng 7 - 12; theo dõi 05 ngày/mô hình/tháng; theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 và Quyết định 3407/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam
VI	Chi khác (dụng cụ theo dõi, đo đếm: Kính lúp, thước đo, băng hiệu...)							13.364.000	

B	Năm 2022							433.876.240	
I	Chăm sóc vườn sâm hằng năm		ha	1,0	ha	0,17		10.756.240	
-	Phát dọn dây leo, bụi rậm			4,6	công	0,8	220.000	172.040	
-	Làm cỏ			43,0	công	7,3	220.000	1.608.200	
-	Vận chuyển và bón mùn			220,0	công	37,4	220.000	8.228.000	
-	Thu gom lá cây khô tủ gốc sau bón mùn			20,0	công	3,4	220.000	748.000	
II	Công bảo vệ (3 người; 01 mô hình/người)				tháng	36	3.070.000	110.520.000	Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ
III	Quản lý, kiểm tra, đánh giá các mô hình							312.600.000	
-	Phụ cấp công tác phí							12.000.000	
+	<i>Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My (02 người/đợt x 5 ngày x 12 đợt)</i>				ngày	120	100.000	12.000.000	
-	Khoán phòng nghỉ (2 người x 4 đêm x 12 đợt)				đêm	96	100.000	9.600.000	1 tháng/đợt
-	Thuê xe ô tô đi từ Tam Kỳ đi Nam Trà My và ngược lại							120.000.000	
	<i>Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My và ngược lại (12 đợt x 5 ngày/đợt)</i>	12	đợt	5	ngày/đợt	60	2.000.000	120.000.000	
-	Thuê khoán kỹ thuật theo dõi, đánh giá các mô hình (3 người; 01 mô hình/người); không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Bao gồm các chi phí: Tiền công kỹ thuật, khoán đi lại, lưu trú, tiền ngủ				ngày	180	950.000	171.000.000	Theo dõi 05 ngày/mô hình/tháng;
C	Năm 2023							448.885.240	
I	Chăm sóc vườn sâm hằng năm		ha	1,0	ha	0,17		16.740.240	
1	Nguyên vật liệu							5.984.000	Năm thứ 3: Bón bổ sung mùn núi
-	Mùn núi			4.000	kg	680	8.800	5.984.000	
2	Công lao động thuê khoán							10.756.240	
-	Phát dọn dây leo, bụi rậm			4,6	công	0,8	220.000	172.040	

-	Làm cỏ			43,0	công	7,3	220.000	1.608.200	
-	Vận chuyển và bón mùn			220,0	công	37,4	220.000	8.228.000	
-	Thu gom lá cây khô tủ gốc sau bón mùn			20,0	công	3,4	220.000	748.000	
II	Công bảo vệ (3 người; 01 mô hình/người)				tháng	36	3.070.000	110.520.000	Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ
III	Quản lý, kiểm tra, đánh giá các mô hình							312.600.000	
-	Phụ cấp công tác phí							12.000.000	
+	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My (02 người/đợt x 5 ngày x 12 đợt)				ngày	120	100.000	12.000.000	
-	Khoán phòng nghỉ (2 người/đợt x 4 đêm x 12 đợt)				đêm	96	100.000	9.600.000	1 tháng/đợt
-	Thuê xe ô tô đi từ Tam Kỳ đi Nam Trà My và ngược lại							120.000.000	
	Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My và ngược lại (12 đợt x 5 ngày/đợt)	12	đợt	5	ngày/đợt	60	2.000.000	120.000.000	
-	Thuê khoán kỹ thuật theo dõi, đánh giá các mô hình (3 người; 01 mô hình/người); không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Bao gồm các chi phí: Tiền công kỹ thuật, khoán đi lại, lưu trú, tiền ngủ.				ngày	180	950.000	171.000.000	Theo dõi 05 ngày /mô hình/tháng
IV	Hội thảo sơ kết mô hình							9.025.000	
-	Tài liệu				bộ	45	15.000	675.000	
-	Văn phòng phẩm				trọn gói			300.000	
-	Giải khát giữa giờ				người	45	40.000	1.800.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NSNN và cán bộ, CC cấp xã nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,5 trở lên				người	35	150.000	5.250.000	
-	Thuê Hội trường, trang trí, phục vụ							1.000.000	

D	Năm 2024							433.876.240	
I	Chăm sóc vườn sâm hằng năm		ha	1,0	ha	0,17		10.756.240	
-	Phát dọn dây leo, bụi rậm			4,6	công	0,8	220.000	172.040	
-	Làm cỏ			43,0	công	7,3	220.000	1.608.200	
-	Vận chuyển và bón mùn			220,0	công	37,4	220.000	8.228.000	
-	Thu gom lá cây khô từ gốc sau bón mùn			20,0	công	3,4	220.000	748.000	
II	Công bảo vệ (3 người; 01 mô hình/người)				tháng	36	3.070.000	110.520.000	Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ
III	Quản lý, kiểm tra, đánh giá các mô hình							312.600.000	
-	Phụ cấp công tác phí							12.000.000	
+	<i>Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My (02 người/đợt x 5 ngày x 12 đợt)</i>				ngày	120	100.000	12.000.000	
-	Khoán phòng nghỉ (2 người x 4 đêm x 12 đợt)				đêm	96	100.000	9.600.000	1 tháng/đợt
-	Thuê xe ô tô đi từ Tam Kỳ đi Nam Trà My và ngược lại							120.000.000	
	<i>Đi từ Tam Kỳ - Nam Trà My và ngược lại (12 đợt x 5 ngày/đợt)</i>	12	đợt	5	ngày/đợt	60	2.000.000	120.000.000	
-	Thuê khoán kỹ thuật theo dõi, đánh giá các mô hình (3 người; 01 mô hình/người); không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Bao gồm các chi phí: Tiền công kỹ thuật, khoán đi lại, lưu trú, tiền ngủ				ngày	180	950.000	171.000.000	Theo dõi 05 ngày/ mô hình/tháng
E	Năm 2025							403.345.240	
I	Chăm sóc vườn sâm hằng năm		ha	1,0	ha	0,17		16.740.240	
1	Nguyên vật liệu							5.984.000	Năm thứ 3: Bón bổ sung mùn núi
-	Mùn núi			4.000	kg	680	8.800	5.984.000	
2	Công lao động thuê khoán					0		10.756.240	
-	Phát dọn dây leo, bụi rậm			4,6	công	0,8	220.000	172.040	

V	Lấy mẫu, phân tích hàm lượng dưỡng chất trong củ sâm Ngọc Linh ở 03 mô hình; mỗi mô hình phân tích 02 mẫu (01 mẫu sâm sử dụng giống nuôi cấy mô và 01 mẫu sâm nhân giống bằng hạt)							85.500.000	
-	Chi phí lấy mẫu (dụng cụ, công đi lấy mẫu, gửi mẫu...)							7.500.000	
-	Chi phí phân tích mẫu (06 mẫu)				6	13.000.000		78.000.000	
VI	Chi khác (dụng cụ theo dõi, đo đếm: Cân điện tử...)							10.000.000	
	Tổng kinh phí							3.000.000.000	